

Bản án số: 25/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 14/6/2022

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Thời**

2. Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Mai Lệ Nh**, sinh năm 1975. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Đình Đức Tr**, sinh năm 1970. (Vắng mặt không có lý do).

Đều ĐKKHKT: Số 9/311 Đ, khu 3, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Ki ốt A, đường T, Khu 8, phường Ng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ **Người làm chứng:**

- Ông **Mai Ngọc H**, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B đường Đ, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- Ông **Đình Đức M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Đ, khu 3, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Mai Lệ Nh trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Đinh Đức Tr kết hôn với nhau vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là phường B), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn kinh tế cũng như mọi mặt cuộc sống. Anh Tr không chịu làm ăn, chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường xuyên đi chơi về muộn. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và trả nợ cho anh Tr nhưng anh Tr không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau. Vì không chịu đựng được tính cách của anh Tr nên đến tháng 11 năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Tr gửi Tòa án nhưng sau đó chị đã rút đơn cho anh Tr cơ hội về đoàn tụ. Từ khi chị rút đơn xin ly hôn về anh Tr vẫn không thay đổi mà còn chơi bời, cờ bạc nhiều hơn, thời gian gần đây anh Tr thường xuyên đi chơi qua đêm, có hôm anh Tr còn không về nhà, nhiều lần anh Tr về muộn còn chửi bới không cho chị và các con nghỉ, ảnh hưởng đến giờ giấc sinh hoạt của cả gia đình. Sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần khiến cuộc sống chung giữa chị và anh Tr rất áp lực, không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị Nh xác định chị và anh Tr có 03 con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 19/11/1996; Đinh Thị Mai Ch, sinh ngày 12/11/2003 và Đinh Đức A, sinh ngày 19/11/2011. Hiện nay cháu H và cháu Ch đã trưởng thành, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nh xin nhận nuôi con Đinh Đức A và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang kinh doanh cửa hàng tạp hóa thu nhập hàng tháng khoảng 5 - 6 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đinh Đức Tr trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Tr xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Nh trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về ở cùng bố mẹ đẻ anh tại địa chỉ số A đường Đ, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Nh có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh đã

khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Nh không thay đổi. Năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, chị Nh bỏ nhà đi hơn 01 tháng không nói gì với anh và gia đình. Khoảng cuối năm 2020, chị Nh làm đơn xin ly hôn anh sau đó được Tòa án khuyên bảo nên chị đã rút đơn về đoàn tụ cùng anh. Từ khi chị Nh rút đơn về vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Đến thời gian gần đây chị Nh lại quay lại có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và có những lời nói hỗn xược với anh khiến anh bức tức và có tát chị Nh. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, còn nếu chị Nh vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Anh Tr xác định anh và chị Nhấn có 03 con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 19/11/1996; Đinh Thị Mai Ch, sinh ngày 12/11/2003 và Đinh Đức A, sinh ngày 19/11/2011. Hiện nay cháu H và cháu Ch đã trưởng thành, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đức A đề nghị Tòa án hỏi quan điểm của con, nếu con muốn ở với anh Tr thì anh cũng đồng ý. Hiện anh làm nghề nhôm kính và bán hàng nước, thu nhập của anh khoảng 15 triệu đồng/tháng đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở anh vẫn đi thuê nhà, sau này anh sẽ mua nhà cho con ở.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Mai Hồng Ng (bố đẻ chị Nh) trình bày:

Chị Nh và anh Tr kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Tr. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 10 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr chơi bời, cờ bạc không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình, có lần anh Tr chơi bời thua lỗ nên vợ chồng phải bán nhà ra thuê nhà ở từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bản thân ông là bố cũng đã nhiều lần khuyên bảo, anh Tr nhiều lần hứa với ông là thay đổi nhưng không có kết quả. Đến nay chị Nh xin ly hôn anh Tr quan điểm của ông Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh, anh Tr ly hôn để chị Nh ổn định cuộc sống.

Người làm chứng ông Đinh Đức M (là anh trai anh Tr) trình bày:

Anh Tr, chị Nh kết hôn với nhau vào năm 1996. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn cụ thể giữa anh Tr, chị Nh thế nào ông không nắm rõ. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn anh Tr, ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với ông Chu Văn Th (Trưởng khu 3, phường B) và bà Trần Kim Đ (Ban chấp hành phụ nữ khu 3) trình bày: Chị Nh và anh Tr kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP Hải Dương. Quá

trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng có bán nhà ở khu 3, phường B và thuê nhà ra đường T để bán hàng tạp hóa. Thời gian anh Tr, chị Nh sinh sống ở khu có nghe anh Tr chơi bời, cờ bạc, còn việc có nợ nần hay không thì khu không rõ. Do khi xảy ra mâu thuẫn anh Tr, chị Nh không báo cáo với khu và không nhờ phụ nữ khu tiến hành hòa giải nên khu cũng như hội phụ nữ khu không nắm được mâu thuẫn cụ thể. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với ông Nguyễn Văn L - Trưởng khu 8, phường Ng, thành phố Hải Dương xác định: Chị Nh, anh Tr thuê nhà bán hàng ở Ki ốt A T, khu 8, phường Ng, thành phố Hải Dương. Anh Tr, chị Nh chỉ thuê nhà bán hàng chứ không đăng ký tạm trú tại khu dân cư. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr, chị Nh khu không nắm được. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tr; Về con chung: Chị Nh xin nhận nuôi con Đình Đức A, sinh ngày 19/11/2011 và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Mai Lê Nh ly hôn anh Đình Đức Tr; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Mai Lê Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đình Đức A, sinh ngày 19/11/2011 kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Mai Lê Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đinh Đức Tr đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A Đ, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và hiện trú tại: Kiot A đường T, phường Ng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Nguyên đơn chị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Những người làm chứng ông H, ông M vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tr, ông H, ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Lệ Nh và anh Đinh Đức Tru kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Nh và gia đình hai bên trình bày là do anh Tr chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình. Chị Nh và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tr không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau. Anh Tr cho rằng chị Nh có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không xuất trình cho Tòa án tài liệu chứng minh. Mâu thuẫn đỉnh điểm giữa anh Tr và chị Nh bắt đầu từ năm 2020, có lần chị Nh đã bỏ đi một tháng sau đó lại quay về chung sống cùng anh Tr. Đến cuối năm 2020, chị Nh làm đơn xin ly hôn anh Tr gửi TAND thành phố Hải Dương, sau đó chị Nh rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Từ khi chị Nh rút đơn về vợ chồng cũng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị Nh lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh Tr gửi đến Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr đến Tòa để trình bày quan điểm về việc ly hôn nhưng anh Tr chỉ đến Tòa một lần và có quan điểm không đồng ý ly hôn chị Nh. Mặc dù anh Tr không đồng ý ly hôn chị Nh nhưng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Việc anh Tr không đến Tòa tham gia các phiên hòa giải thể hiện thái độ không mong muốn vợ chồng về

đoàn tụ mà chỉ muốn kéo dài thời gian gây khó khăn cho chị Nh trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, xử chị Mai Lệ Nh ly hôn anh Đinh Đức Tr là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân chị Nh và anh Tr có 03 con chung là Đinh Đức H, sinh ngày 19/11/1996; Đinh Thị Mai Ch, sinh ngày 12/11/2003 và Đinh Đức A, sinh ngày 19/11/2011. Hiện nay cháu H và cháu Ch đã trưởng thành nên anh Tr, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của chị Nh xin được nuôi con Đinh Đức A và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu Đức A nếu quan điểm của cháu xin ở với ai thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy: Cháu Đinh Đức A đã trên bảy tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ. Chị Nh hiện đang làm kinh doanh cửa hàng tạp hóa tại nhà có mức thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con. Quan điểm của anh Tr cũng tùy theo nguyện vọng của con nếu cháu xin ở với ai anh cũng đồng ý. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Đức A cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Mai Lệ Nh và anh Đinh Đức Tr đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Mai Lệ Nh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Mai Lệ Nh ly hôn anh Đinh Đức Tr.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Mai Lệ Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đình Đức A, sinh ngày 19/11/2011 kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Lệ Nh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nh đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001889 ngày 30/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Nh đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường B, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (ĐKKH ngày 12/11/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

